

GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA QUẦN THỂ DI TÍCH VĂN HÓA TÂM LINH BÁI ĐÍNH - NINH BÌNH



Di tích văn hóa tâm linh Bái Đính đã tạo nên một không gian tâm linh có giá trị lịch sử, tôn giáo. Gần 1000 năm qua, ngôi chùa vẫn còn đó như minh chứng cho sức sống bền bỉ của đạo Phật trong đời sống tâm linh người Việt. Điều này góp phần khẳng định, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc, luôn đoàn kết, hòa hợp, lấy việc tu hành phục vụ chúng sinh, phụng sự Tổ quốc và đi cùng lịch sử dân tộc theo năm tháng.

Tác giả: **Th.s Nguyễn Thị Huệ**
Viện Nghiên cứu Văn hóa

Tóm tắt: Khu văn hóa tâm linh Núi chùa Bái Đính là nơi lưu giữ các dấu ấn lịch sử, nơi được coi là một trong các trung tâm văn hóa Phật giáo lớn của cả nước. Núi chùa Bái Đính được gắn liền với nhiều giai thoại và huyền thoại về một vị Thiền sư danh tiếng của nước Nam - Lý triều quốc sư Nguyễn Minh Không, ngài chính là người đã đặt nền móng, xây dựng tượng Phật và khai mở miền đất Phật ở nơi đây. Chùa Bái Đính Ninh Bình khoác lên mình vẻ đẹp thanh tịnh, cổ kính giữa khung cảnh mê mông rừng núi, nổi bật với lối kiến trúc nguy nga nhưng mang đậm màu sắc truyền thống văn hóa dân tộc. Bái có nghĩa là lễ bái, cúng bái trời đất, tiên phật. Gần 1000 năm qua, ngôi chùa vẫn còn đó như một minh chứng cho sức sống bền bỉ của đạo Phật trong đời sống tâm linh của người Việt.

Từ khoá: văn hóa tâm linh, văn hóa Phật giáo, đất Phật, Phật giáo, chùa Bái Đính, di tích, ...

Đề dẫn

Từ xa xưa, Phật giáo đã được du nhập và phát triển mạnh mẽ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, không quá bất ngờ khi đất nước ta có nhiều công trình kiến trúc vừa độc đáo, vừa linh thiêng của nhà Phật đến như thế. Trong sự đa dạng của các công trình chùa hiện nay, quần thể chùa Bái Đính cổ vẫn giữ một nét riêng.

Khu văn hóa tâm linh Núi chùa Bái Đính nằm trên sườn núi giữa những thung lũng mê mông hồ và núi đá, thuộc địa bàn xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, trong vùng đệm Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới **Quần thể danh thắng** Tràng An, tỉnh Ninh Bình. Khu du lịch văn hóa tâm linh Núi chùa Bái Đính là nơi lưu giữ các dấu ấn lịch sử, nơi được coi là một trong các trung tâm văn hóa Phật giáo lớn của cả nước.

Núi chùa Bái Đính được gắn liền với nhiều giai thoại và huyền thoại về một vị Thiền sư danh tiếng của nước Nam - Lý triều quốc sư Nguyễn Minh Không, ngài chính là người đã đặt nền móng, xây dựng tượng Phật và khai mở miền đất Phật ở nơi đây.

Khu văn hóa tâm linh núi chùa Bái Đính gồm khu chùa cổ và chùa mới. Chùa cổ nghìn năm tuổi với động thờ Phật, động thờ mẫu, đền thờ thần Cao Sơn. Chùa được dựng trên 1 quả đồi dưới chân núi Đính gồm 8 hạng mục công trình chính: Cổng Tam Quan, Hành Lang La Hán, Gác Chuông, điện Quan Thế Âm Bồ Tát, Điện Pháp Chủ, Điện Tam Thế, Phật Di Lặc và Bảo Tháp. Tạo nên một không gian tâm linh mang đậm bản sắc dân tộc và tinh hoa nhân loại. Chùa Bái Đính nằm trên vùng đất thiêng "sinh Vương, sinh Thánh, sinh Thần", nơi gắn với các câu chuyện về đức Đỉnh Tiên Hoàng Đế, thần Cao Sơn và đặc biệt là Đức thánh Nguyễn Minh Không, vị sư tổ đầu tiên phát hiện ra nơi tiên cảnh Bái Đính, núi hướng về phía Tây như châu về đất Phật, rừng núi mê mông với muôn vàn cây thuốc quý. Không chỉ được coi là thần y và được phong là Quốc sư triều Lý mà Ngài còn được mệnh danh là ông tổ nghề đúc đồng, là người có công tạo nên Tứ Đại Khí nổi tiếng của Việt Nam.



Khu văn hóa tâm linh Núi chùa Bái Đính là nơi lưu giữ các dấu ấn lịch sử, nơi được coi là một trong các trung tâm văn hóa Phật giáo lớn của cả nước.

Trong tiềm thức của người dân Việt Nam ngài được coi là vị thánh, trong sử sách ghi lại với danh hiệu đức Thánh Nguyễn, trong cuộc đời sự nghiệp của mình, Ngài đi khắp cả nước dựng chùa, tu hành và chữa bệnh cho dân, tương truyền trên những bước đường ngài đi đã để lại gần 500 ngôi chùa cho hậu thế. Trong kháng chiến chống Pháp, đây là một cứ điểm quan trọng nằm trong khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu. Vào các năm 1943, 1944, nhân ngày hội chùa Bái Đính, hàng nghìn Phật tử; tín đồ của Mẫu, của Thánh đến tham dự, các chiến sỹ Cộng sản (trong đó có đồng chí Trần Tử Bình) đã diễn thuyết, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, góp phần thành công cho cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945. Vẻ đẹp của Khu văn hóa tâm linh núi chùa Bái Đính là sự kỳ vĩ, yên tĩnh của núi non hoà quyện với nét cổ kính trầm mặc của hệ thống chùa hang, bảo tháp nơi cõi Thiên. Từ lâu, Bái Đính đã trở thành “điểm đến” hấp dẫn của du khách thập phương, của những con người tâm hướng thiện. Khu văn hóa tâm linh núi chùa Bái Đính nằm trong vùng đệm của Quần thể Danh thắng Tràng An, di sản được UNESCO vinh danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới đã, đang và sẽ thu hút lượng lớn du khách thập phương trong và ngoài nước góp phần phát triển kinh tế của tỉnh Ninh Bình..

Các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng lành mạnh luôn là động lực tích cực, chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân Việt Nam. Thiền sư Mãn Giác (thời Lý) đã từng nói: “mái chùa che chở hồn dân tộc, nếp sống muôn đời của tổ tiên”. Nét đặc sắc của chùa Bái Đính là tại đây không chỉ thờ các vị sơn thần, Phật tổ, bà chúa thượng ngàn mà còn

gắn với nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc với các danh nhân vua Đinh Tiên Hoàng, đức Lý Quốc Sư, vua Quang Trung. Như sự tổng hòa của nhiều tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam như Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu, với nhiều chương trình tham quan đặc biệt vào ban ngày cùng với các chương trình tham quan, trải nghiệm chương trình hành lễ, chiêm ngưỡng khung cảnh của Bái Đính với những nét đặc sắc qua những ánh đèn lung linh, huyền ảo về đêm. Trong những lễ hội lớn ở tỉnh Ninh Bình nói riêng, ở miền Bắc nói chung, đây được coi là một lễ hội truyền thống về cội nguồn của người Việt Nam.

Lễ hội chùa Bái Đính khai mạc vào ngày mồng 6 tháng Giêng hàng năm và diễn ra trong suốt mùa xuân, lễ hội chùa Bái Đính là một hoạt động văn hóa có ý nghĩa tích cực, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của phật tử, nhân dân trong tỉnh nói riêng, trong vùng nói chung. Chùa cũng là nơi tổ chức nhiều sự kiện văn hóa tâm linh như: Đại lễ Phật Đản Liên Hợp Quốc năm 2008, Lễ cung nghinh Xá Lợi Phật về chùa Bái Đính năm 2010, Hội nghị Quốc tế về Du lịch Tâm linh năm 2013, Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc năm 2014, Đại lễ Phật Đản, Pháp hội Vu Lan hàng năm.

Chùa Bái Đính cũng rất vinh dự và vui mừng kể đến hoạt động hoằng pháp qua việc tổ chức các khóa tu một ngày và dài ngày thu hút hàng nghìn thanh thiếu niên tham gia rèn luyện tu dưỡng. Hàng năm, Khu văn hóa tâm linh núi chùa Bái Đính được hàng ngàn phật tử và đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan, lễ bái. Điều này góp phần khẳng định, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc, luôn đoàn kết, hòa hợp, lấy việc tu hành phục vụ chúng sinh, phụng sự Tổ quốc, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, vì quốc thái dân an, vì sự phồn vinh của dân tộc....Bái Đính nằm trong **Quần thể danh thắng** Tràng An thuộc địa bàn xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, cách Tp.Ninh Bình khoảng 18 km và cách thủ đô Hà Nội khoảng 100 km.

Bái Đính được mệnh danh là ngôi chùa lớn nhất Đông Nam Á, được biết đến với nhiều kỷ lục Châu Á và Việt Nam như: Chùa có tượng Phật giát vàng lớn nhất Châu Á, Hành lang La Hán dài nhất Châu Á, Tháp xá lợi Phật cao nhất Châu Á và Tượng Phật Di Lặc bằng đồng lớn nhất Đông Nam Á.

Núi Bái Đính có từ lâu đời, nó được gắn liền với nhiều giai thoại và huyền thoại về một vị Thiền sư danh tiếng của nước Nam - Lý triều quốc sư Nguyễn Minh Không, ngài chính là người đã đặt nền móng, xây dựng tượng Phật và khai mở miền đất Phật ở nơi đây. Chùa Bái Đính (chùa cổ) có từ năm 1136 do thiền sư Nguyễn Minh Không sáng lập, gồm có các điểm như: Giếng Ngọc, Động thờ Tổ sư, Động thờ Phật, Động thờ Mẫu, Ban thờ Thánh Cao Sơn.

Từ năm 2003, dựa trên nền tảng của ngôi chùa cổ, Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường đã phát tâm đầu tư trùng tu và mở rộng chùa với tổng diện tích hiện nay là hơn 1000 ha. Các công trình kiến trúc tiêu biểu của chùa (chùa mới) hiện nay gồm: Cổng Tam Quan, Góc Chuông, Điện Quán Thế Âm, Điện Giáo Chủ, Điện Tam Thế, Bảo Tháp và Hành lang La Hán... Ngoài ra, chùa còn nhiều công trình vẫn đang tiếp tục xây dựng như: Công viên Văn hoá Phật giáo, Khu hồ Đàm Thị, Hồ phóng sinh, Công viên cây xanh...

1. Vị trí địa lý

Núi Bái Đính thuộc địa phận xã Lê Xá, Sinh Dục, Xuân Trì xưa (nay là xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, Ninh Bình). Núi Bái Đính với chiều cao 185 m diện tích khoảng 15.000 m². Đây là vùng đất nổi danh, tên mỗi huyền thoại, mỗi ngọn núi, mỗi thung lũng là sự kết nối kỳ diệu một chuỗi sự tích của thiền sư Nguyễn Minh Không - Người sáng lập ra ngôi chùa cổ. Đến với khu núi Chùa Bái Đính du khách có thể tìm về với cõi niết bàn, tịnh tâm cùng đức Phật từ bi. Giữa trời đất mênh mông, vạn vật yên bình, du khách có thể phát hiện ra ở nơi cùng cốc có một Ao Tiên mà theo tục truyền nơi đây đã diễn ra cảnh sinh hoạt của các Tiên nữ chốn thiên đình. Cùng với nét đẹp trang nghiêm trầm mặc của Bái Đính cổ tự là ngôi chùa Bái Đính mới nguy nga tráng lệ nằm trên đồi Ba Rau tựa lưng với chùa Bái Đính cổ. Chùa mới là sự mô phỏng lại chùa cổ, nhưng xây dựng với quy mô lớn hơn, được xem như là một ngôi chùa lớn nhất Đông Nam Á.

Đến với ngôi chùa Bái Đính du khách sẽ bị choáng ngợp trước sự hoành tráng của những bức tượng bằng đồng to và nặng nhất Việt Nam. Đây là một công trình kiến trúc Phật giáo vĩ đại nhất của người Việt. Quần thể chùa Bái Đính gồm một khu chùa cổ và một khu chùa mới được xây dựng từ năm 2003. Chùa nằm trên sườn núi, giữa những thung lũng mênh mông hồ và núi đá, ở cửa ngõ phía tây vào cố đô Hoa Lư. Kiến trúc chùa mới hoành tráng, đồ sộ nhưng mang đậm bản sắc truyền thống phù hợp với tâm lý hiếu kỳ, tò mò của người Việt Nam thời nay. Chính vì vậy mà nơi đây sớm trở thành một điểm đến nổi tiếng. Khu chùa Bái Đính mới được các báo giới tôn vinh là một quần thể chùa lớn nhất Đông Nam Á. Giếng ngọc của chùa Bái Đính cổ nằm gần chân núi Bái Đính. Tương truyền đây là nơi thiền sư Nguyễn Minh Không đã lấy nước để sắc thuốc chữa bệnh cho dân và chữa bệnh cho Vua Lý Thần Tông. Giếng xây lại hình mặt nguyệt, rất rộng, có đường kính 30 m, độ sâu của nước là 6 m, không bao giờ cạn nước.

Chùa Bái Đính hiện đang nắm giữ rất nhiều kỷ lục về chùa ở Châu Á

-Tượng Phật bằng đồng dát vàng lớn nhất châu Á, Tượng đồng 100 tấn ở trong điện Pháp Chủ, Tượng Phật Di lặc bằng đồng lớn nhất Đông Nam Á: tượng Phật Di lặc 100 tấn ngoài trời., Chuông đồng lớn nhất Việt Nam: Đại hồng chung nặng 36 tấn trong Tháp Chuông., Khu chùa rộng nhất Việt Nam: tổng 539 ha (riêng chùa cổ 27 ha, chùa mới 80 ha), Khu chùa có hành lang La Hán dài nhất châu Á: hành lang La Hán dài gần 3 km., Khu chùa có nhiều tượng La Hán nhất Việt Nam: 500 vị bằng đá xanh cao khoảng 2m., Khu chùa có giếng ngọc lớn nhất Việt Nam., Khu chùa có số cây bồ đề nhiều nhất Việt Nam: 100 cây bồ đề được chiết từ cây bồ đề Ấn Độ.

2. Khu chùa Bái Đính cổ

2.1. Nguồn gốc lịch sử

Đây là một ngôi chùa cổ được xây dựng từ triều Lý, tương truyền rằng người khai sinh ra chùa Bái Đính là quốc sư Nguyễn Minh Không (quốc sư triều Lý). Vào thời vua Lý Thánh Tông năm

Bính Ngọ (1066) ở thôn Điểm Dương nay thuộc (Gia Thắng, Gia Viễn, Ninh Bình). Có hai vợ chồng nghèo là Nguyễn Sùng và Dương thị Mỹ đã sinh hạ ra một ng-ười con khô ngô tuần tú đặt tên Nguyễn Chí Thành. Không bao lâu sau thì cha mẹ mất, Nguyễn Chí Thành kiếm sống nuôi thân bằng nghề mò cua bắt cá. Lớn lên ông kết nghĩa với Từ Đạo Hạnh (? - 1115) và Nguyễn Giác Hải, là hai vị chân sư có uy tín đương thời. Khi tu hành đắc đạo, Nguyễn Chí Thành trở về quê nhà và dựng chùa Viên Quang, sau đó lại quay về quê mẹ của mình ở Phả Lại (Hải Dương), Giao Thủy (Nam Định), Vũ Thư (Thái Bình). Ông dựng chùa tu hành, lấy vị hiệu là Minh Không. Ông là một nhà sư tài năng lầy lừng, được coi là thần y khi chữa được bệnh “hoá hổ” cho vua Lý Thần Tông (1128- 1138). Bộ đại việt ký sử toàn thư có chép: “khi sư Từ Đạo Hạnh sắp trút xác (để đầu thai làm vua Thần Tông), bèn đem thuốc và thần chú giao cho học trò Nguyễn Chí Thành và dặn rằng: 20 năm sau nếu thấy Quốc Vương bị bệnh nặng thì đến chữa ngay”.

Quả nhiên đến năm 1136 thì vua Thần Tông bị bệnh “hoá hổ” thấy thuốc khắp nơi trong thiên hạ đều bó tay chỉ có Nguyễn Minh Không là chữa được bệnh cho nhà vua, phong làm Quốc Sư và mang họ vua, ban bổng lộc của triều đình.

Trong khi đi tìm thuốc chữa bệnh cho nhà vua ông đã tình cờ phát hiện ra hai hang động tuyệt đẹp. Bằng con mắt tinh tường của mình, ông đã nhận ra đây là đất Phật. Ông xin chối từ những bổng lộc của vua để về tu hành ở ngọn núi này . Ông cho xây chùa thỉnh Phật, để tạ ơn trời Phật, chùa Bái Đính ra đời từ đó. Theo lý giải, Bái ở đây có nghĩa là lễ bái, cúng bái trời đất Tiên- Phật, Đính có nghĩa là đỉnh như vậy Bái Đính có thể hiểu là cúng bái trời đất Tiên, Phật ở trên cao, điều này thuận theo địa thế của Bái Đính cổ tự là như vậy. Nói đến công đức của nhà sư Nguyễn Minh Không là người đã tạo nên Tứ đại khí (còn được dân gian gọi là ông tổ đúc đồng). Nguyễn Minh Không là người đã đặt tên cho vườn thuốc của mình là “Sinh Dược” có nghĩa là “Vườn thuốc sống”, để chữa bệnh cho muôn dân, là người có công gây dựng ra khoảng 400 ngôi chùa lớn nhỏ trong vùng. Vì tính nhân văn cao cả và công đức lớn lao của vị Bồ tát sống, khi ông chết người dân đã đúc tượng lập ban thờ trên núi Bái Đính, để tưởng nhớ đến người lập nên ngôi chùa Cổ Thạch Am trên động núi Bái Đính.

2.2.Danh lam thắng cảnh và những sự tích huyền thoại

Bước vào khu chùa Bái Đính cổ là bước vào không gian tâm linh của thế giới Phật - Đạo - Nho giáo, các sự tích, huyền thoại, và vẻ đẹp kỳ ảo của danh lam thắng cảnh. Từ đư-ờng lên chùa Bái Đính cổ ngay phía chân núi du khách sẽ bắt gặp Giếng Ngọc. Tương truyền đây là giếng nước thuở sinh thời đức Thánh Nguyễn, đào để lấy nước thổi cơm, đồ xôi cúng Phật cũng là lấy nước để sắc thuốc chữa bệnh cho chúng sinh (gọi là Lỗ Lùng ổ gà), đây là mạch tiểu Long nước không bao giờ cạn. Nước từ Giếng Tiên lên đến động thờ Mẫu đỉnh Bái Đính chảy qua các khe núi Bái Đính xuống, lọc qua khe đá rể cây rừng, qua mạch nước ngầm nên trong suốt, ngọt như nước mưa, tụ lại Lỗ Lùng. Người ta gọi đây là mắt, điểm lộ thiên của long mạch Bái Đính.

Giếng Ngọc nằm trong khuôn viên rộng 6.000 m2, bốn góc được xây bốn lầu bát giác. Giếng

xây thành hình tròn giữa khuôn viên vuông theo quan niệm triết học cổ “Trời tròn Đất vuông”. Đường kính giếng rộng 30 m, nước trong suốt có chiều sâu từ 5 - 6 m. Miệng giếng được làm lan can bằng đá tiện bao quanh, tôn vẻ đẹp và cổ kính của ngôi chùa. Đường đi xung quanh được lát đá rộng thoáng. Mùa hè nước bốc hơi mát, mùa đông bốc toả hơi ấm, mặt giếng có hôm bao phủ màn sương khói trông huyền ảo. Đây là công trình đã được trung tâm sách kỷ lục Việt Nam cấp bằng xác nhận ngày 12/12/2007: “Ngôi Chùa có giếng lớn nhất Việt Nam”. Đến với Bái Đính cổ là trải qua một chặng đường khá dài nhưng khi lên với Phật tìm về với cõi thanh tịnh thì mỗi chúng sinh dù trải qua bao nhiêu bậc đá thì vẫn mang trong lòng sự phấn khởi, niềm vui mừng lộ rõ trên từng nét mặt. Lên đến động thờ Phật, thờ Thần, thờ Tiên trên đỉnh núi Bái Đính, đều được làm bằng 265 bậc đá xanh đục chạm công phu, đẹp đẽ. Xưa kia, người ta chỉ lợi dụng sườn núi để làm bậc kê bằng các phiến đá thô ráp, tự nhiên nên lên xuống khó khăn.

Bước lên 135 bậc đá là tới tam quan. Hai mặt trong ngoài trên đỉnh tam quan để bốn chữ “Minh Đỉnh Danh Lam”. Leo lên 43 bậc đá nữa, rẽ tay phải hơn 30 m là đến bàn thờ tổ được kiến lập từ một mái đá núi tự nhiên. Chính giữa bàn thờ đặt tượng Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) mặc áo đỏ ngồi tọa thiền. Đây là vị sư Ấn Độ, vào khoảng năm 520, ngài đã theo thuyền vượt biển đến Trung Quốc, tu hành ở chùa Thiếu Lâm trên núi Tùng Sơn, trở thành Đông Tổ Lịch Đại Thiển Tông thứ nhất của Trung Hoa, đồng thời là sư Tổ của Thiếu Lâm võ thuật. Tượng ngài thường được tạc dáng ngồi, đặt ở bàn thờ Tổ (hậu đường) của các chùa. Tượng của ngài được tạc, mặt vuông mũi cao, râu quai nón, ria râu cằm rậm, có khi mặt được sơn xanh. Bên cạnh tượng Tổ Đạt Ma là tượng Sư Tổ người Việt, không rõ danh tính, mặt vuông quắc thước, cả hai pho tượng này nguyên trước đây ở chùa Đà A (hiện nay thì không còn ngôi chùa này). Khoảng năm 1962 sư trụ trì trên núi Bái Đính chuyển về lập ban thờ tổ ở đây.

a, Động thờ Phật

Từ bàn thờ Tổ Đạt Ma đi lên khoảng 77 bậc đá, rẽ về bên phải khoảng 21 bậc đá nước là đến cửa động (Hang Sáng- Minh Đỉnh Danh Lam trên núi). Cửa động quay hướng chính Bắc, cao hơn 2m, động Sáng dài khoảng 25m, rộng 15m trần và nền động đều bằng phẳng. Trong động thờ Phật nên người dân địa phương gọi là động Phật (hay chùa Hang), có Thạch Am (Am đá) thờ đức thánh Nguyễn Minh Không. Nhưng ngày nay người ta không còn thờ đức Thánh Nguyễn trong Thạch Am nữa, mà thờ ngay ở giữa vòng cung tay ngai của chùa Bái Đính (lối sang giữa hang Sáng và hang Tối).

Truyền rằng khi vua Lê Thánh Tông (1460 - 1496), một lần kinh lý phương Nam về qua vùng đất Ninh Bình. Sau khi lên ngắm cảnh chùa trên đỉnh núi Bái Đính, đức vua đã để tặng bốn chữ “Minh Đỉnh Danh Lam” và để một bài thơ tứ tuyệt:

Phiên âm chữ Hán:

”Minh Đỉnh Danh Lam”

Đính Sơn độc chiếm nhất danh cao

Bảo chướng hoàng đụ tự tích triều
Nhân kiệt địa linh chung vượng khí
Huyền sơn mỹ lệ tráng kim âu.

Dịch thơ:

Đỉnh Sơn danh tiếng thực cao xa,
Che chở kinh thành tự thưở xa.
Nhân kiệt địa linh nên vượng khí,
Núi thiêng cảnh đẹp vững sơn hà.

Trong chùa Hang trước kia có rất nhiều tượng nhưng do hang sâu, hơi nước của động đá vôi ẩm thấp nên tượng Phật không còn nữa. Các cụ cao niên địa phương cho biết, đã có thời Đức hoà thượng trụ trì chùa này, đã cho đắp tượng Phật bằng đất, sau bị hỏng cả, lại cho làm tượng bằng đá để thờ. Nhưng cho đến nay đều không còn, nên sau này (2007 - 2008), người ta đã đúc tượng Phật bằng nguyên khối mạ vàng để thờ. Trước cửa chùa Hang đặt hai pho tượng hộ pháp (Khuyến thiện và Trừng ác) bằng đồng nguyên khối mới đúc.

Ban thờ Phật được bài trí thờ các tượng Phật theo cách bài trí thông thường giống như các ngôi chùa cổ ở miền Bắc, trên cùng là 3 pho tượng Tam thế: Phật quá khứ ngồi bên trái tay trái đặt trên đùi, tay phải dơ ngang ngực, các ngón khum vào lòng tay, ngón út giơ ra tụng niệm theo thế ấn quyết; Phật hiện tại ngồi giữa tọa thiền hai tay đan chổng lên đùi; Phật vị lai ngồi bên phải tay phải để trên đùi, tay trái cầm viên ngọc. Hàng thứ 2: Tượng Thích Ca Mâu Ni cầm bông sen giơ cao ngang mày nên gọi là Thích Ca niêm hoa sen, tượng được đúc to và cao hơn các pho tượng khác trên bàn thờ. Hàng thứ 3: Phật Quan Âm Bồ Tát niêm hoa sen. Hai bên ban thờ Phật là hai bàn thờ Thánh Hiền và Đức Ông. Tất cả những pho tượng đều được đúc bằng đồng nguyên khối, mạ vàng, cốt đồ tể tự cũng được đúc bằng đồng. Chiêm ng-ưỡng động Phật sáng sáng, tối tối, hư hư thực thực, óng ánh long lanh như một động Phật bằng vàng, hương thơm của nhang khói, hương hoa rừng, cảnh sắc đẹp vừa thiêng liêng.

b, Động thờ thần Cao Sơn

Qua động thờ Phật rẽ tay trái là động thờ thần Cao Sơn. Cửa động quay hướng Đông Đông Nam 145 độ, vách đá bên phải của động có khắc bia nói về việc tu sửa động thờ Thần (thời Tự Đức). Nét chữ Hán khắc nông mờ khó đọc. Tượng thần Cao Sơn bằng gỗ sơn son thiếp vàng, đầu đội mũ cánh chuồn, hai tay cầm thẻ lệnh bài trước ngực dáng có vẻ nghiêm cẩn, oai phong. Từ cửa động thờ Thần Cao Sơn, đi xuống hơn 70 bậc đá phía thung đền còn có một ngôi đền thờ thần Cao Sơn được xây cất áp lối lên xuống bên sườn núi, lộ thiên. Đền mới xây cất năm 2007, theo kiểu chữ “Đình”. Tiền bái ba gian, hậu cung hai gian dọc, kèo và xà đều bằng gỗ thứ thiết, theo kiểu chông giường, không gác tường, dựng trên 12 cột gỗ thứ thiết kê đá. Nguyên là do khi đúc tượng thần Cao Sơn bằng đồng nguyên khối mạ vàng để thay thế cho tượng ngài bằng gỗ trên động hang Sáng, nhưng khi đặt tượng đồng vào thì pho tượng gỗ

không thể di dời đi được nên người ta đã cho xây ngôi đền mới để thờ ngài. Dù chỉ hiện thân là gỗ, nhưng dân gian đã thờ phụng ngài trải qua bao khói lửa binh đao, phế hưng thời đại. Chính vì lẽ đó mà đền thờ thần Cao Sơn càng uy nghi, công đức của ngài luôn được chúng sinh tưởng nhớ đến. Đó chính là nét văn hoá trong tín ngưỡng dân gian của người Việt. Ngày nay khi lên chùa Bái Đính ta thấy một ngôi chùa thờ Thần Cao Sơn mới có tên đề tự “Cao Sơn Thần Từ” sơn son thiếp vàng. Pho tượng mới đúc cao tới 1.50 m, phỏng theo hình dáng của pho tượng cũ để tạo khắc.

c, Đền thờ Lý triều quốc sư Nguyễn Minh Không

Từ động thờ Phật rẽ tay trái đi xuống khoảng hơn 20 bậc đá là một ngôi nhà xây dựng theo kiểu nhà sàn khang trang. Quay hướng Nam Tây Nam 225 độ là đền thờ thánh Nguyễn Minh Không, đền mới được xây dựng toạ lạc bên sườn núi. Giữa vòng tay ngai của núi Bái Đính nhìn xuống thấy thung Ổ Gà (Sinh Dược, Gia Sinh), hai bên là Quỳnh Lưu và Sơn Lai (Nho Quan). Hai bên tả hữu “tay ngai” là động thờ Phật Cao Sơn và động thờ Mẫu. Đều là kiến trúc 2 tầng tầng dưới xây dựng bằng bê tông cốt thép, kích thước: rộng 10.50 m, sâu 15.80 m, phía trước có hiên rộng 1.60m. Tầng trên có kiến trúc hoàn toàn bằng gỗ tứ thiết theo kiểu chữ Đinh, chông giường, tiền bẩy, hậu bẩy, gồm 6 vì kèo. Các đầu bẩy đều trạm trở hoa lá, nhà 5 gian 2 chái, tạo thành 4 mái, đều lợp ngói men ống màu nâu. Các mái đao đều có hình chim phượng châu, đầu kìm là hình rồng chầu. Đỉnh mái là “Lưỡng Long Triều Nguyệt”. Gian tiền đường dài 14.0m, rộng 4.70m, có hai hàng cột song song, mỗi hàng có 6 cột. Hậu cung có 2 cột, các cột có kích thước bằng nhau: cao 3.20m, đường kính 0.40m.

Điều đặc biệt là tường đều làm bằng gỗ tứ thiết đục thông phong “thượng song hạ bản”. Các cánh cửa đều làm bằng gỗ lim. Hậu cung có một gian dọc, trên cửa có bức đại tự chữ hán “Lý triều quốc sư”. Tường hậu cung dựng bằng gỗ tứ thiết, giữa đặt tượng thánh Nguyễn Minh Không, cao 1.50m đúc bằng đồng nguyên khối mạ vàng, trên một bệ đá. Tư-ợng đúc theo mẫu tượng thánh Nguyễn thờ ở đền Lý Quốc Sư (Phố Lý Quốc Sư, Hà Nội), lan can đều làm bằng đá chạm chỗ kỳ công đẹp đẽ.

d, Động thờ Tam Toà Thánh Mẫu:

Đối diện với động Sáng thờ Phật, là động Tối thờ Tam toà thánh Mẫu. Động tối quay hướng Đông Đông Nam, cửa cao rộng, có treo quả chuông đồng, nặng hơn 300 kg, đúc nổi 8 chữ hán “Mẫu Nghi Thiên Hạ” và “Xuân Hạ Thu Đông”. Bên trong động tối có nhiều ngăn hơn động sáng gồm 7 động nhỏ thông nhau, có động ở trên cao, lại có động ở độ sâu tới 4- 5 m, có động nền lại bằng phẳng, có động trứng xuống như lòng chảo....Trần động có chỗ cao hơn chục mét. Bàn thờ Tam toà Thánh Mẫu được bài trí ở ngăn động Sáng hơn . Nhũ đá trong động Tối thi nhau rủ xuống tạo nên đủ các hình dáng tùy theo trí tưởng tượng của mỗi người. Cá vượt vũ môn, rồng hút nước, cây tiền, cây bạc, cây thóc, bàn cờ để thích, người cày ruộng, ao bèo, lợn ăn no tròn nằm ngủ.....Lại có những nhũ đá rủ xuống giữa động giống như một cây cột lóng lánh gọi là “Nhất trụ kinh thiên” (một cột chống trời), gõ vào phát ra những âm thanh kỳ diệu như cây đàn đá nhiều cung điệu. Bàn thờ mẫu được đặt tượng tam vị Thánh mẫu bằng

đồng, dát vàng. Pho tượng mẫu ở giữa ngôi dạng phật niệm thiên. Pho tượng bên tay trái: tay phải đặt trên đùi, ngửa lòng bàn tay, bàn tay trái úp trên đùi. Tượng bên phải có dáng ngồi và để tay ngược lại pho tượng bên trái.

Hàng thứ hai trên bàn thờ là tượng Ngũ Vị Tôn Ông cũng bằng đồng dát vàng. Khác với động Sáng thờ Phật, động Thờ thần Cao Sơn thì động Tam toà Thánh Mẫu được lập lên thờ tự ít nhất, từ thời thánh Nguyễn (thế kỷ XII), động thờ mẫu Liễu Hạnh ở động Tối được lập nên chưa lâu. Theo truyền rằng Mẫu Liễu xuống trần vào cuối thế kỷ XVI, hiển linh vào thế kỷ XVII và đặc biệt trong triều phong kiến nhà Lê Trung Hưng (thế kỷ XVIII), nhà Nguyễn và nhân dân tôn thờ rộng rãi từ thế kỷ XIX, với sắc phong và sự tôn vinh cao nhất “Mẫu nghi thiên hạ” như riêng ở chùa Bái Đính cổ, thì Liễu Mẫu Hạnh được thờ khoảng những năm 30 của thế kỷ XX. Theo người dân địa phương ở đây kể lại rằng, xưa có một người tiểu phu đi kiếm củi tình cờ phá đống mối khổng lồ khổng lồ thấy xuất hiện cửa động, dân gian thấy động tối (âm), nên từ đó lấy tên là động Tối, đối lập với động Sáng để có âm dương ôn hoà theo quan niệm triết học “âm dương khai thái”. Sau này người ta thấy, đỉnh núi đã có động thờ Phật, thờ Thần (dương) rồi lập động thờ Mẫu Tiên (âm). Cũng là theo thuyết âm dương, và hoàn chỉnh tín ngưỡng đa thần của người Việt. Đặc biệt là phong tục thờ (Phật, Tiên, Thần), Đạo Mẫu chính là là tín ngưỡng bản địa của người Việt.

Bên cạnh ban thờ Mẫu là ngăn động tối hơn, phía trong chia thành hai ngăn nhỏ. Bên trái chính giữa là thờ Phật, có ba hàng tượng Phật, trong đó có pho tượng Thích Ca và pho tượng Thích Ca sơ sinh (tượng Cưỡi Long). Bên trái lại thờ Tam toà Thánh Mẫu, tất cả mặc áo hồng. Theo một số thông tin của những người trông coi ở đây, thì tất cả số tượng này đều là tượng cũ của động Tối (tượng mới đúc bằng đồng thay cho các tượng cũ dồn vào ban thờ này), và tượng của các chùa Đà A, chùa Chợ, chùa Lê (Sinh Dược) chuyển về thờ ở đây. Ngăn động liền bên phải thờ công đồng.

Trong động Tối còn có đường lên trời và đường xuống âm phủ, lối lên trời của động nhỏ, lộ thiên thẳng tận đỉnh núi, tới cột cờ. Đường xuống âm phủ trong sâu thăm thẳm, càng đi xuống càng nhỏ dần, trần động càng cao, nhiều góc ngách, sâu khoảng vài ba chục thước, lại có lối xuống Ao Tiên. Nước thánh thót trần hang rủ quanh năm nên Ao Tiên không bao giờ cạn, nước nhũ đá đủ mọi hình thù kỳ dị, long lanh soi bóng xuống mặt nước lung linh huyền ảo. Với vẻ đẹp kỳ ảo của mình cũng như những sự tích, các yếu tố tín ngưỡng văn hoá của người Việt được hội tụ ở nên đây vừa tạo nên cảnh quan vô cùng đẹp mắt và có ý nghĩa tâm linh to lớn. Đến với Bái Đính nếu không hiểu hết giá trị của nó thì cũng giống như lên chùa để thưởng ngoạn mà không thấy được nét đẹp thiêng liêng của nó. Sức hấp dẫn của chùa cổ Bái Đính không chỉ là ngôi chùa với những hang động đẹp mà nó còn thu hút sự tò mò, khám phá của khách hành hương qua từng bậc đá đi lên. Những lớp tam cấp được xây bằng những lớp đá thoải thoải, để giúp du khách lên xuống được dễ dàng. Hai bên sườn núi là những gò đá bụi cây, có lên núi mới biết núi cao, đứng từ trên núi phóng tầm mắt xuống về hướng chân núi du khách sẽ thấy được toàn cảnh Giếng Ngọc, những dòng người nhấp nhô lên núi tìm đến Phật tìm đến chỗ thanh tịnh để cầu mong những điều an lành sẽ đến với họ, cũng như để tỏ lòng

thành kính của chúng sinh trước Phật.

2.3. Bái Đính tâm tự - khu chùa Bái Đính mới

2.2.3.1. Trung tâm Phật giáo qua các thời “Đinh -Tiền- Lê

- Không gian Phật giáo qua các triều đại

Chùa Bái Đính tọa lạc trong không gian qua các triều đại được xây dựng trên dải đất áp kê trung tâm Phật Giáo “Đinh – Tiền Lê” vào buổi đầu nhà Lý. Trong không gian thiêng của cố đô Hoa Lư và rộng hơn đến các đời “Trần- Lê - Nguyễn” sau này, là cả một không gian thiêng với cốc đền chùa miếu mạo, thu hút nhiều tầng lớp dân chúng như:

a, Am Tiên (Động thờ Phật thời Lý)

Tương truyền đây là ngục đá nhốt hổ dữ, để trừng trị những kẻ có tội thời nhà Đinh. Đến thời Lý quốc sư Nguyễn Minh Không, vào đây tụng kinh thuyết pháp để yểm đảo quỷ, ma không kêu rú, hãm hại dân lành, cải đặt tên là động Am Tiên. Còn có ban thờ Đức Thánh Nguyễn Minh không với 3 chữ Hán trên ban thờ “Hiển Thánh Từ” (miếu thờ hiển thánh) và đôi câu đối “Điểm giang sinh hiển thánh, Hoa Động tiếp Thần Cao” (Điểm giang sinh hiển thánh, Động Hoa Lư đón Thần Cao).

b, Viên Quang Tự và Đền thánh Nguyễn Minh Không

Hai di tích này thuộc 2 xã Gia Tiến và xã Gia Thắng (huyện Gia Viễn, Ninh Bình) đối ngạn qua con sông Hoàng Long với Bái Đính cổ, do Thánh Nguyễn lập. Đền Thánh Nguyễn thờ Đức Thánh Nguyễn Minh Không là người quê ngay bản xã, đền còn thờ thân phụ thân mẫu của Đức Thánh Nguyễn ở nhà chính tẩm. Đây vốn là nhà để thờ Phật, sau khi Thánh Nguyễn mất, nhân dân lập đền ngay trên đất chùa, đền và chùa nằm trên kiểu đất “T-ượng Sơn Chung Dục, Ngung Thủy Trường Thành” (núi voi hun đúc nên, trước mặt có dòng sông uốn khúc) được cho là long mạch địa linh nhân kiệt trong vùng, hiện còn 5 gian phía tây thờ Phật.

Động Hoa Lư ở địa phận xã Uy Tế (nay xã Gia Hưng, Gia Viễn, Ninh Bình). Gọi là động nhưng không có hang, đây là căn cứ ban đầu, thời thơ ấu cờ lau lập trận, sau này là nơi tụ nghĩa của nghĩa quân Hoa Lư do Đinh Bộ Lĩnh làm thủ lĩnh. Trong động có đền thờ Lý triều quốc sư Nguyễn Minh Không. Có tượng và bức đại tự bằng gỗ, có ba chữ Hán “Hoa Lư Động” khảm trai không để niên đại cũng được các nhà phong thủy cho là địa linh phát tích .

c, Chùa Địch Lộng.

Địch Lộng có nghĩa là tiếng sáo thổi, vì khi đứng giữa cửa động, gió thổi vào cửa động, nghe tiếng vi vu như tiếng sáo. Tên làng Địch Lộng và chùa Địch Lộng là gọi theo tên này. Chùa còn có tên khác là chùa Hang hay là Cổ Am tự, động tên là Nham Sơn. Chùa và Địch Lộng nằm ở phía Bắc xã Gia Thanh, cách cầu Khuất 600m về phía Tây, cách Bái Đính về phía Bắc gần 20 km. Chùa Địch lộng là một cụm kiến trúc chùa và Đình Chùa thờ Phật , Đền thờ Thần. Theo truyền thuyết sinh thời Nguyễn Minh Không thường đơm đó ở Kẽm Trống cách Địch Lộng 400m, giữa Kẽm Trống là một mô đất nhô lên gọi là “Nút đó”. Hai bên Kẽm Trống và Núi Rùa

có hai nốt chân khổng lồ trên đá, dân gian gọi là lốt chân của Thánh Nguyễn, lúc đầu nhân dân thờ Ông ở Gộp Hồ một vách núi đá ven núi Kẽm Trống, về sau mới rước về thờ ở đền Địch Lộng. Chùa có 22 pho tượng Phật và Bồ Tát, có tượng Phật Quan Âm nghìn mắt nghìn tay và một tượng quốc sư Nguyễn Minh Không. Chùa và Địch Lộng là một thắng cảnh nổi tiếng của Ninh Bình. Động đã được mệnh danh là “Nam thiên đệ tam động” (động đẹp thứ ba trời nam) và cũng được các nhà phong thủy coi là vùng địa linh.

d, Đền Vực Vòng

Đền thuộc thôn Diểm Thượng, làng Chi Phong, xã Trường Yên thuộc thành nội của Kinh thành Hoa Lư xưa. Đền thờ bà Quận Mỹ vợ thứ của ông Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê người trong thôn, thời Lê Trung Hưng. Đền làm trên một khu đất bên bờ sông Hoàng Long. Trước cửa Vực Vòng nên gọi là Đền Vực vòng. Phía sau đền là núi Trư Sơn (núi con lợn), dãy núi phía Đông Bắc Bái Đính. Từ đền Vực Vòng lên núi Bái Đính khoảng 2 km. Đền được lập đầu thế kỷ thứ XVII, ngay sau khi bà chúa Mỹ Quận Công tự vẫn. Sau khi trả nợ thù chồng. Qua nhiều lần trùng tu có quy mô như hiện nay, ngôi đền nổi tiếng linh thiêng từ lâu đời.

e, Chùa Bích Động ở thôn Đam Khê (thuộc xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư)

Động ở trên quả núi cao 130m, tên động do Nguyễn Nghiễm đặt vào năm 1773, động có 3 ngôi chùa là chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng, chùa xây dựng vào năm 1707 cửa động phía tây có 3 pho tượng Phật Tam Thế, bằng đá uy nghi.

f, Chùa Kim Cương -Tháp Hiển Diệu:

Núi Tiên Long gọi là núi tháp (thôn Áng Sơn, Ninh Hoà, Hoa Lư) trên vách đá có khắc bia Đại trị thứ 10, năm Đinh Mùi 1367. Nhà sư Trí Nhu, người đã có công trùng tu ngôi tháp Linh Tế trên núi Dục Thuý và tháp Hiển Diệu của chùa Kim Cương ở trên núi Tiên Long (hiện nay thì không còn nữa). Năm 1981 thì các nhà khảo cổ học đào thám sát trên nền tháp nằm trên đỉnh núi Tiên Long, đã tìm thấy rất nhiều mảnh vỡ gạch ngói và cả một số mảnh đất nung có mảnh có hình rồng của thời Trần muộn. Họ đã khẳng định vào thời Trần tại đây có ngôi chùa và tháp khá lớn như văn bia trên vách đá đã nêu. Người ta phỏng đoán theo truyền ngôn là tại đây từ thời “Đinh- Lê” đã có chùa thờ Phật, nhưng năm tháng nắng mưa, chiến tranh, nên chùa không còn nữa. Đến thời Trần thì Chùa và Tháp được xây dựng lại trên nền chùa cũ.

g, Đền Thái Vi (Điện Thái Vi):

Ở thôn Văn Lâm, Ninh Hải, Hoa Lư, đền thờ 3 vị vua nhà Trần là Trần Thái Tông (1225 - 1258), Trần Thánh Tông (1258 - 1278), Trần Nhân Tông (1278 - 1293). Đền được xây dựng từ thời nhà Trần, và trở thành trung tâm Đạo giáo của nhà Trần.

h, Làng Sinh Dược cũng là nơi tập trung của nhiều đền chùa miếu mạo như đền thờ đức Thánh Nguyễn, đình Chợ (chợ Sinh Dược cũ), chùa Đà A, đền Bồng (thờ quan Đệ Tứ), đình Trung (thờ Quý Minh Đại Vương là Thành Hoàng), Văn Chỉ (thờ Đức Khổng tử trên đỉnh núi làng Đồi), đền Từ, đền Mon...

- Không gian Phật giáo qua các trục thiêng Đông Tây Nam Bắc

Chùa cổ trên động Phật núi Bái Đính và chùa Bái Đính mới không những nằm trên trung tâm Phật giáo thời (Đinh- Tiền Lê) mà nó còn nằm trong không gian theo trục thiêng Đông Tây và trục thiêng Nam Bắc.

Xét theo trục Bắc Nam thì đó là cố đô Hoa Lư, trung tâm Phật giáo của thế kỷ XX, Bái Đính-trung tâm tâm linh Phật giáo đầu thế kỷ XXI thờ “Tiên ,Thần ,Phật” trên đỉnh núi Bái Đính. Thái Vi (Văn Lâm) - trung tâm Đạo giáo thời nhà Trần thế kỷ XIV, nhà thờ Thiên chúa giáo Phát Diệm - trung tâm Đạo Thiên chúa giáo của thế kỷ XIX.

Xét theo trục thiêng Đông Tây là : Thiên Tôn - thờ Thiên Thần (Thần), Cố Đô Hoa Lư - là thờ Phật, Thần (nhân thần vua Đinh, vua Lê và các yếu nhân Cung Đình Hoa Lư như Thái hậu Dương Vân Nga, Đinh Liễn, Đinh Toàn, Đinh Hạng Lang, Lê Ngoạ Triều...Vực Vông - thờ Mẫu (Mỹ quận công phu nhân), Bái Đính - thờ “Phật ,Thần, Tiên”, đền phủ Đồi và phố Cát - thờ Mẫu Liễu Hạnh. Như vậy khu trung tâm Bái Đính, vừa là tâm điểm vừa là giao thoa của hai trục thiêng này, cũng là tâm điểm của phong tục truyền thống thờ: Phật, Thần (đạo giáo), Tiên (mẫu). Đáng chú ý trung tâm tâm linh Bái Đính đã tạo nên sự đăng đối, hài hoà tục thờ cúng truyền thống, nhất là đã tạo nên sự đăng đối vừa ngẫu nhiên lại vừa tiền định. Ba đạo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt, từ lâu đời là đạo Phật giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo trong vùng đất cố ô Hoa Lư cổ nói riêng và mở rộng ra vùng châu thổ Bắc Bộ: Đó là Phủ Dày (Mẫu) và Bảo Lộc Thánh (thuộc Nam Định), Liễu Đồi (Hà Nam), (Thần và tín ngưỡng dân gian) và Bắc Hoá là đền Sòng Sơn (Mẫu), Hàn Sơn (Tam toà tứ phủ). Trung tâm tâm linh Phật giáo của Bái Đính ở vùng núi rừng - Tượng dương, trung tâm Thiên chúa giáo Phát Diệm ở vùng biển nước-Tượng âm. Bái Đính đã tạo nên sự đăng đối tâm linh giữa hai đạo giáo lớn trên đất Ninh Bình, mà còn tạo nên sự cân bằng âm dương theo triết cổ học. Lấy trung tâm đạo giáo Thái Vi làm tâm điểm đăng đối và cân bằng của trục thiêng Nam Bắc. Trục thiêng là không gian thiêng rộng lớn, chạy dọc theo mạch núi mạch sông kỳ vĩ, và mảnh đất linh theo thuyết phong thủy cổ. Để phân biệt với ngôi chùa cổ trên động núi Bái Đính, thì dưới chân núi Bái Đính là một ngôi chùa hoàn toàn mới, người ta gọi là Bái Đính tân tự.

Không gian thiêng của tâm linh Phật giáo là không gian ngôi chùa (chùa Bái Đính) giống như các ngôi chùa của người Việt miền Bắc, là chùa theo Phật giáo Đại Thừa. Vào thời lý nhà sư Thảo Đường người Trung Quốc, vốn là tù binh bị bắt tại Chiêm Thành, được Lý Thánh Tông (1504- 1072) giải phóng khỏi kiếp nô lệ và cho mở Đạo Tràn tại Chùa Khai Quốc- Thăng Long (1609). Đệ tử theo học rất đông, trong đó có cả vua Lý Thánh Tông, lập nên dòng thiền thứ ba được truyền được 6 đời. Thiền Tông thời Lý, mang một đặc trưng dễ nhận thấy đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn Đạo Thiền với Nho giáo và Tịnh Độ. Thời Lý đất nước được thống nhất độc lập về chủ quyền chính trị, về cương vực lãnh thổ, một cách thực sự và trên ý nghĩa đó là sự độc lập tất yếu về hệ tư tưởng. Trong buổi đầu dựng nước Phật giáo có ý nghĩa như một thứ vũ khí tinh thần hữu hiệu để cố kết lòng dân, đoàn kết dân tộc chống lại kẻ thù xâm lược Phương Bắc. Nên Phật giáo Việt Nam đã phát triển cực thịnh dưới thời Lý, nhất là trong thời Nguyên Phi Ý Lan nhiếp chính. Sang đời Trần thì phái Thiền Tông được thống nhất, nên có thể hiểu ở chùa Bái Đính theo dòng phái Thiền Tông.

Theo dòng phái này thì không gian thiêng trước hết được thể hiện qua tên gọi của ngôi chùa như chùa Phật Tích (dấu tích của Như Lai), chùa Tây Phương (cõi tây phương cực lạc)... còn chùa Bái Đính (ý là tiếp nối không gian tâm linh và diễn xướng lễ hội Phật, Thần, Tiên từ ngàn xưa đã diễn ra trên mảnh đất và ngọn núi linh thiêng này).

Không gian thiêng còn biểu hiện ở thế đất lập chùa, theo Đạo giáo thì gọi là cảnh sắc. Chọn được thế đất có âm dương là thế đất tốt theo như lời của Thánh Nguyễn thì chùa Bái Đính cổ trên núi - tượng dương. Chùa mới dưới chân núi là - tượng âm, âm dương lưỡng hợp, khai minh, khai thái. Chùa Bái Đính cổ trên động núi quay hướng Bắc, chùa Bái Đính mới tọa lạc trên triền đồi Ba Rau huyền thoại phía Đông Bắc chân núi Bái Đính. Chùa tọa Nam nhìn hướng chính Bắc là Trạch Tốn. Hướng cửa các điện lớn trong chùa.. Chùa xây dựng theo thuyết phong thủy cổ “tiền thủy hậu sơn”, phía trước lấy cận minh đường là Hồ Đàm Thị, viễn minh đường là sông Hoàng Long. Núi Phụng, núi Tháp, núi Hang Trai, tạo thành chữ “tâm” làm tiền án, tả thanh long là khu đồi Ba Rau, hữu bạch hổ là núi Bái Đính, xa hơn về phía Đông Nam là núi Mắt Rồng, hậu bối là núi Thung Bình. Người Việt chọn thế đất dựng chùa chẳng phải chỉ để hướng về cõi hư vô, mà còn hướng về nơi sinh sôi phát triển. Đất tốt theo quan niệm phong thủy cổ truyền phải là đất bên trái trống không, hoặc có sông ngòi ao hồ bao bọc, bên phải cao đầy có hình Hoa sen, tràng phướn, lọng báu có hình Rồng, Phượng, Quy, Xà châu báu, trước mặt có minh đường, phía sau không có núi áp kề là đất tốt.

Chùa Bái Đính mới đã chọn được thế đất “đắc địa”, “cảnh sắc có đủ: nước, hoả, lưu-ong, rau, cảnh không gần nhân gian mà cũng không xa nhân gian vì gần thì ồn ào, xa thì cô quạnh, cảnh có thể trú là chỗ yên nghiệp có thể dưỡng thân, nuôi tính, tâm linh sáng suốt, trừ-ờng dưỡng thành thời, để được dưỡng đạo ,ấy là cứu cánh” đối chiếu lại thêm một chuẩn mực hết sức trọng yếu nữa là chùa Bái Đính chọn được cảnh sắc và thế đất “đắc địa” vừa đời vừa đạo, đời ở chỗ bên trái thì trống không, theo triết học cổ phương đông “vô cực sinh thái cực” có nghĩa là vật chất từ không thành có, sông hồ ao ngòi là nước yếu tố khởi nguyên của sự sống, bên phải có Rồng, Phượng, Quy, Xà là hội đủ âm dương, điều kiện cần và đủ cho sự sống sinh sôi phát triển. Đời còn biểu hiện ở lương thực, rau , nước, lửa để duy trì sự sống nhân gian. Đạo là ở chỗ phía trước có minh đường (nơi nước tụ lại) cũng tốt, phía sau không có núi áp kề là không có dương, hàm ý chỉ cầu âm (vô sinh). Theo quan niệm của Phật, chùa cần yên tĩnh thì phải xa dân nhưng đạo Phật cứu sinh độ thế nên cần có dân. Chùa Bái Đính vừa có dân vừa không quá gần dân để có không gian tĩnh độ.

2.2.3.2. Các công trình kiến trúc

Theo quy hoạch chùa Bái Đính mới, bao gồm cả khu vực rộng lớn gồm nhiều hạng mục công trình được gọi chung là “khu tâm linh Phật giáo Bái Đính”. Diện tích tổng thể 30.000m² với trên 20 hạng mục công trình. Được quy hoạch cụ thể như sau: điện Tam Thế 2.053m², điện Pháp Chủ (Thích Ca Mâu Ni) 2.000m², điện Quan Thế Âm Bồ Tát 676m², điện thờ 500 vị La Hán 12.000m², các công trình phụ trợ khác 13.270m² (công viên văn hoá và học viện Phật giáo 30.28ha, khu đón tiếp và công viên cảnh quan 15ha, khu Hồ Đàm Thị và hồ Phóng Sinh 143.7ha, khu cây xanh cách ly và bảo tồn 121.03ha. Chùa được xây dựng theo độ dốc “soi

gương” cao dần theo trục thân đạo từ tam quan đến điện Tam Thế, theo kiểu “nội công ngoại quốc”, các kiến trúc chính như tam quan, gác chuông, điện thờ Phật Bà Quan Âm, điện Pháp Chủ và điện Tam Thế xây dựng theo kiểu kiến trúc ngôi chùa cổ truyền ở Việt Nam nhà 4 mái, 2 đến 3 tầng mái, các góc đao đều uốn quanh đôi phượng. Nhìn từ cố đô Hoa Lư thì khu chùa Bái Đính giống như một bức tranh thủy mặc lớn treo nghiêng trên nền đồi xanh thẳm. Núi Bái Đính giống như một cái đỉnh chốt khổng lồ treo bức tranh tâm linh tuyệt mỹ và kỳ vĩ đó .

a , Tam Quan

Nhìn từ ngoài vào ranh giới giữa cái đời thường và chốn chùa thanh tịnh ta bắt gặp ngay đó là tam quan bao gồm 3 cửa: cửa giới giữ trọn những điều giới luật, cửa định tập trung thanh lọc tâm, cửa tuệ tu Phật phải trí tuệ, sáng suốt, hay cũng là 3 cửa: khổ, vô thường, vô ngã. Dưới con mắt của người thường thì tam quan chỉ đơn giản là 3 cửa nhưng trong giới tu hành đó chính là ranh giới giữa cõi thiêng và cõi tục, là ngưỡng cửa thiêng liêng, siêu thoát là lúc thanh thản về với cõi vĩnh hằng. Tam quan chùa Bái Đính mới có hình dạng “lộng tàn” xây dựng theo kiểu chông giường gồm 3 tầng mái cong mỗi tầng 4 mái , 2 tầng dưới 8 mái là bát quái. Tầng trên 4 mái và nóc là ngũ hành. Mái lợp ngói ống màu nâu sẫm, tiền bẩy, hậu bẩy, xà nách cao 16.5m, chu vi 13.85m*13.5m, tất cả bằng gỗ tứ thiết, 4 cột cái mỗi cột cao 13.85m, đường kính 0.87m nặng gần 10 tấn. Bốn cột trung mỗi cột cao 11m đường kính 0.75m, 16 cột con xung quanh, mỗi cột cao 5m đường kính 0.65m. Tất cả các cột đều kê trên tảng đá vuông theo kích cỡ từ cột cái, cột trung cột con với kích thước cạnh thứ tự 1.4m, 1.2m, 0.9m. Đầu đao của mái tam quan cong như hình đuôi chim phượng. Nóc tam quan là 2 đầu kim châu mặt nguyệt, tầng ba tam quan, gian giữa phía trước và sau đều chạm thông phong phù điêu lớn, xung quanh là hạ vân mây vân vũ, giữa bánh xe pháp luân (biểu tượng cho sự chuyển vận không ngừng của Phật pháp cũng như là của trời đất theo triết lý đạo Phật. Các cánh cửa đều làm bằng gỗ lim, mỗi cửa 4 cánh, đều được chạm “thượng song hỷ kép - thông phong- hạ bản”. Nhìn vào hai gian phụ của tam quan là tượng 2 ông hộ pháp bằng đồng cao 5.5m, nặng 12 tấn, tượng 8 vị bát bộ Kim Cương (8 võ sỹ thiên thần bảo vệ Phật pháp có tâm can sáng-trong- cứng rắn như kim cương, cầm trùy kim cương, được đúc bằng đồng nặng tới 8 tấn, bố trí đứng ngay ở cổng tam quan. Phía sau dãy tam quan là 2 dãy toà nhà gỗ song song nối liền nhà hành lang La Hán, theo lối kiến trúc cổ, mỗi toà 16 gian, dài 70m, mỗi gian rộng 4.5m.

Để hoàn thiện được tam quan người ta đã phải sử dụng đến 550 tấn gỗ, chỉ bấy nhiêu thôi ta đã thấy được sự hoành tráng đồ sộ của nó. Chưa có một ngôi chùa nào có được một tam quan bề thế như vậy, phải chăng chủ ý của người thiết kế muốn tạo ấn tượng mạnh với các đấng tu hành.

b, Tháp Chuông

Sau Tam quan là tháp chuông. Tháp chuông ở đây được xây dựng bằng bê tông cốt thép giả gỗ hình dáng phỏng theo các tháp chuông của ngôi chùa cổ ở đồng bằng Bắc Bộ, trong ngôi chùa nội công ngoại quốc thì biểu tượng thiêng liêng của đức Phật đặc biệt chú ý đó là sự vươn cao của gác chuông. Theo quan niệm của nhà Phật, gác chuông chùa càng ngân càng vang xa

bao nhiêu thì lời răn dạy của đức Phật càng phổ độ đến chúng sinh càng được thấm nhuần bấy nhiêu. Khi tiếng chuông ngân lên 108 tiếng, tức là xua đi 108 điều phiền não trong cuộc đời. Tháp chuông chùa Bái Đính có hình bát giác, có ba tầng mái cong, thu dần lên đỉnh tháp, tổng cộng 24 mái, lợp ngói ống trắng men màu nâu sẫm, 24 đao mái cong vút có họa tiết hoa lá dây leo, mỗi mái cao 4.65m, dưới đắp các họa tiết cao 2.3m đỡ chân đao. Mỗi tầng 16 cột (8 cột cái và 8 cột con) tầng một cột cái cao tới 16m đường kính 0.8m; cột con cao 8m, đường kính 0.7m; chóp tháp hình búp sen cao 3.5m toàn bộ tháp chuông cao 49m. Trên là một quả chuông mới đúc có trọng lượng 28 tấn bên trên chuông đ-ược tạc khắc đôi câu đối “Nương theo chân Phật pháp, vượt qua vùng vũ trụ, Trời- Thần- Người, đều tỉnh ngộ trong tiếng chuông thức tỉnh đại niết bàn; Nguyện xin chuông đại hùng vang vọng biển phúc âm, cho chúng sinh bừng cơn mộng, nghe âm thanh giác ngộ đến bờ đề”. Câu đối này có ý niệm thiêng liêng liêng “Đại giác” của đức Phật truyền lại cho chúng sinh. Tháp chuông Bái Đính có cấu trúc tương tự như Tháp chuông chùa Keo, nhà thờ đá Phát Diệm. Quả chuông bằng đồng này có trọng lượng 36 tấn đã được trung tâm sách kỷ lục Việt Nam cấp bằng ngày 12/12/2007 xác lập kỷ lục “Đại Hồng Chuông” lớn nhất Việt Nam. Khi đánh phải dùng chày kinh dài hơn 4m, đường kính 0.3m, nặng gần 5 tạ bằng gỗ tứ thiết. Chuông được luyện pha bằng vàng lại treo trên tháp cao một sườn đôi của vùng núi sông kỳ vĩ nên khi chuông ngân lên, tiếng chuông âm vang, đồng vọng từ các hang động, vách núi khiến người nghe như từ thính không vọng xuống, từ thập phương vọng về. Cách xa hơn 10km vẫn nghe thấy tiếng chuông ngân nga âm vang lan tỏa. Tháp chuông lại có hình dáng của bông sen khổng lồ điều này lại có càng có ý nghĩa to lớn hơn sen vốn là biểu tượng của đức Phật của sự thanh tịnh.

c, Điện Quan Thế Âm Bồ Tát.

Từ Tháp Chuông đi qua thăm cỏ là tới Điện Quan thế âm Bồ Tát. Nhìn từ bên ngoài điện được xây dựng trên triển đồi cao hơn tháp chuông và tam quan, với hình dáng “lộng tàn” kiến trúc chông giường, tiền bầy, hậu bầy giống như tháp chuông, xà nách, cột chốn, góc kẻ chuyen. Mái kiến thiết hai tầng kiểu 4 mái (bát quái) lợp ống ngói trắng men nâu . Điện cao 14.8m, chu vi 40.41m*16.8m, có 7 gian gồm 5 gian chính, gian trung đường rộng 6.6m, mỗi bên 2 gian, mỗi gian rộng 6m. Phía trước có lắp cửa lim cao 2.5m , rộng 0.94m. Hai gian chái mỗi gian rộng 4.2m, cánh cửa ở 2 gian này hẹp hơn rộng 0.84m, chạm khắc và trang trí giống cánh cửa tam quan “thượng thông phong, song hỷ kép, hạ bàn”. Trong Điện có hai hàng cột cái, mỗi hàng 16 cột cao 11.8m đường kính 0.7m, xung quanh có 24 cột cao 4.8m, đường kính 0.56m, các cột đều bằng gỗ tứ thiết, kê trên tảng đá vuông, cột cái 1.3m cột con 1.05m, đều chạm khắc hoa sen. Vì kèo xà ngang, dọc đều bằng gỗ tứ thiết. Tầng mái thứ hai của điện được dựng 20 cột con (cột chốn), đường kính 0.6m được đỡ bằng các xà nách to cũng bằng gỗ tứ thiết. Ở những chỗ lồi lõm của kèo, bầy bài trí những bức gỗ chạm bong, chạm lộng các hình hoa lá, hoa văn, nghệ thuật, chạm chỗ tinh xảo. Gian trung đường đặt một sập thờ “chân quỳ dạ cá” chạm thông phong, hình tứ linh, hoa lá bằng gỗ dài 4.79m, rộng 2.35m, cao 1.27m, các đồ tế tự đều bằng đồng. Điện Quan Thế Âm Bồ Tát được xây dựng hoàn toàn bằng gỗ tứ thiết, trông dáng vẻ uy nghi bề thế hết khoảng 900 khối gỗ tròn. Gian chính điện đặt tượng quan thế Âm Bồ Tát “thiên thủ thiên nhãn”(ngàn mắt ngàn tay) bằng đồng dát vàng, nặng 80

tấn.

d, Điện Pháp Chủ.

Điện thờ Thích Ca Mâu Ni người sáng lập ra đạo Phật, điện Pháp Chủ có kiến trúc theo kiểu dáng điện Tam Thế, bao gồm 2 tầng mái cong, mỗi tầng 4 mái đều lợp ngói men ống nâu và một hàng cổ lâu tạo nên độ cao, thông không khí và lấy ánh sáng mặt trời. Điện là công trình kiến trúc đồ sộ, hoành tráng cao 30m, chu vi 44.7m*43.3m, với tổng diện tích tới 1.945m², mái đao cao 2.6m bờ đao cao 1.3m, mặt nguyệt trên nóc điện cao tới 4.4m đầu kinh cao 3.3m. Điện có 5 gian trung đường dài 13.5m, mỗi bên 2 gian mỗi gian dài 8.13m. Điện có 4 hàng cột gồm 56 cột bằng bê tông cốt thép giả gỗ, 2 hàng cột cái và cột trung ở giữa, cột cái cao 17.2 m, đường kính 0.8 m mỗi hàng có 4 cột. Xung quanh điện có 20 cột cái cao 9m đường kính 0.7m, 20 cột con ở hiên cao 7.4 m đường kính 0.7 m. Các cột trong điện làm bằng bê tông cốt thép, ốp gỗ và sơn phủ vân gỗ bên ngoài nên thoạt nhìn lầm tưởng đây là gỗ quý, riêng chỉ có các chuồng cửa và học cửa làm bằng gỗ lim. Cửa của gian trung đường gồm 12 cánh, kích thước 3.7m*1.05m, 4 gian còn lại mỗi gian có 4 cánh có chiều cao bằng cửa trung đường, rộng 0.84m, cánh cửa đều tiện cầu cài lá, tường xây bằng gạch không trát phía trong tạo thành 1284 ô nhỏ cao 0.59m*0.3m*0.3m, bên trong mỗi ô đặt vừa một pho tượng Thích Ca bằng đồng loại nhỏ. Ở gian trung đường đặt tượng Thích Ca Mâu Ni ngồi trên toà sen bằng đồng khối mạ vàng cao 10m nặng tới 100 tấn. Tượng Thích Ca được thờ trong các ngôi chùa cổ ở Việt Nam, thường được ngồi giữa hàng thứ 3 từ trên xuống dưới là tượng ngài thuyết pháp, ngồi trên toà hoa sen, tay phải cầm hoa sen nên được gọi là “ thế tôn niêm hoa”. Cũng giống như tượng đặt trong các chùa khác, thì tượng ngài được đặt trong chùa Bái Đính là hình tượng ngài ngồi trên toà hoa sen, tượng để lộ viên đỉnh, mặc áo pháp hở ngực, tay trái đặt trên lòng, tay phải cầm hoa sen giơ ngang trán biểu hiện cho trí Phật, tâm đức Phật. Trên ngực được khắc hình tượng chữ “vạn” biểu thị sự vận động vô hạn của Phật lực kéo dài đến bốn phương, mở rộng vô cùng tận, luôn tế độ chúng sinh ở thập phương. Toà sen gồm 3 lớp cánh sen hai lớp cánh sen nở hướng lên trên, lưng cánh ngoài lớn ôm lấy lớp cánh trong nhỏ so le lấy nhau, lớp cánh sen nở hướng xuống, to tương đương, và so le với lớp cánh to nở hướng lên trên, tạo đường nét nghệ thuật hài hoà, đăng đối. Phía sau tượng là phù điêu lá đề lớn bằng nhiều mảng đồng ghép lại, gần hàng trăm pho tượng Phật nhỏ, đúc đồng biểu thị Phật pháp biến hoá vô biên.

Hoàn thiện công trình này người nghệ nhân phải mất tới hàng năm mới hoàn thiện đ-ược. Pho tượng này được sách trung tâm kỷ lục Việt Nam công nhận là pho tượng Thích Ca bằng đồng cao và nặng nhất ở Việt Nam. Điện thờ Pháp Chủ còn có 3 cửa võng 3 bức hoành phi bằng gỗ vàng tâm sơn son thiếp vàng phủ hoàn kim và các câu đối ca ngợi công đức của đức Phật. Đồng thời nói lên ý nghĩa của việc trùng tu di tích danh thắng Bái Đính làm rạng danh cảnh núi sông của khu vực Tràng An: “Tổ quốc hoà bình dân chủ, trùng tu Bái Đính cự danh lam, thảo mộc sơn xuyên sinh tú sắc; Việt Nam độc lập tự do, kiến thiết Tràng An tân thắng tích, phong vân tuyết nguyệt ánh từ quang” (có nghĩa là “Tổ quốc hoà bình, dân chủ, trùng tu Bái Đính cổ nổi tiếng, cỏ cây sông núi thêm khởi sắc; Việt Nam độc lập, tự do, kiến thiết danh thắng mới

Tràng An, gió mây trắng tuyết rạng ánh từ bi”). Hai câu đối 2 bên cột tiền điện thể hiện triết lý đạo Phật sâu sắc: “Tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm, hữu thị tâm phương khai Phật pháp sùng thâm; Duyên bản hứa duyên, thị hữu duyên nãi khếch thiện duyên quảng bị”. (có nghĩa là “tâm là Phật, Phật là tâm, có tâm sẽ mở ra Phật pháp cao sâu; duyên có nhân, nhân có duyên, có duyên thì duyên lành toả rộng khắp”) . Bức hoành phi trung đường có kích thước 11.2m*4m, dày 0.06m bằng gỗ vàng tâm với khối lượng 5 khối gỗ thành khí, nặng gần 3 tấn, cửa võng rộng 12.8m dọc cột 8m, dày 0.11m, gồm 19m³ gỗ vàng tâm nặng 8.5 tấn. Điều đáng chú ý là gian trung điện có một sập thờ khổng lồ bằng gỗ vàng tâm với kích thước chiều cao là 8.55m * 4.52m * 1.27m, diện tích mặt sập tới 39m², dày 0.1m, sập có 8 chân vuông 0.45m chạm rồng uốn kênh bong. Sập được đục chạm 4 mặt, giữa sập chạm hoa sen và bánh xe pháp luân biểu thị sự huyền diệu của Phật pháp, 4 mặt yếm đục chạm hình tượng “long vân khánh hội ”(rồng mây gặp gỡ) - biểu thị Phật pháp đắc thời và phát triển. Phần diềm sập được chạm hàng ngàn lá đề và cánh sen cách điệu cầu kỳ, tinh xảo, để hoàn thiện công trình này người nghệ nhân đã phải sử dụng hết tới 10m³ vàng tâm thành khí.

Hai bên gian trung đường có hoành phi, cửa võng bằng nhau và nhỏ hơn ở gian trung đường , cũng bằng gỗ vàng tâm , hoành phi kích thước 7m *3m, dày 0.06m ,3.5m³ gỗ khoảng 2.5 tấn, cửa võng chiều ngang 7.35m, dọc cột 7m, dày 0.11m, 15m³ gỗ, nặng 5.5 tấn. Kỹ thuật làm hoành phi chạm kênh bong, chia đều 4 ô chữ Hán nổi 2cm, trên nền găm cài bát bảo: kiếm bút, sáo, đàn quạt, sách...đường viền soi vỏ măng tứ quý, tứ linh. Kỹ thuật làm cửa võng là chạm kênh bong, thông phong với các vật tứ linh tứ quý, lưỡng long triều nguyệt, phượng châu, long mã, sen quy, long cuốn thủy....Trong Điện còn đôi hạc bằng đồng cao 4.5m, nặng 1 tấn, 1 lư đồng dài 1.8m * 1m, lồng đèn cao 4m. Hai bên hồi điện mỗi bên có 4 vị hộ pháp Kim Cương bằng đồng quay châu ban thờ Pháp Chủ.

e, Điện Tam Thế.

Được xây dựng trên sườn đồi Ba Rau. Điện nằm giữa khuôn viên riêng, sân xung quanh đã rộng tới 13.000m², từ bậc tam quan đến bậc thềm Điện Tam thế theo trục đường thần đạo dài 812m. Lên điện Tam Thế theo hai lối, mỗi lối rộng 8 m=32 bậc đá, độ cao từ sân lên nền điện cao 4m. Nhìn từ dưới lên điện Tam Thế như một ngôi nhà sàn khổng lồ, 3 mái chồng giương, lan can hai lối lên điện được chạm khắc 4 con rồng đá châu theo độ dốc như đang bò trườn xuống, chào đón Phật tử, chúng sinh, 4 con rồng, giống hình tượng con rồng được chạm khắc ở điện Kính Thiên thời Hậu Lê ở kinh đô Thăng Long. Giữa 2 lối lên xuống điện được trang trí bằng một bức phù điêu đá hình vuông 10m * 10m bằng cách lắp ghép nhiều phiến đá dày 0.2m trên chạm khắc tứ linh tứ quý (long ly quy phượng). Điện Tam Thế là công trình kiến trúc nguy nga hoành tráng nhất trong các công trình kiến trúc ở chùa Bái Đính mới, với chiều cao toà điện 34m dài 59.1m, rộng 40.5m, diện tích điện tới trên 2.364m². Kiến trúc điện Tam Thế về hình thức giống như điện Pháp Chủ nhưng lại có 3 tầng mái, mỗi tầng 4 mái, lợp ngói ống tráng men nâu, các mái đao cũng uốn cong hình đuôi phượng, cao tới 2.7m, mặt nguyệt đỉnh mái cao 4m, 2 đầu kinh cao 3.5m, bờ đao cao 1.3m, 12 mái đao được trang trí bằng cách đắp hình tượng hoa lá, dây leo.

Điện Tam Thế có 7 gian 2 chái, gian chính điện rộng 10.5 m, 2 gian bên rộng 9 m, 4 gian hai bên kế tiếp mỗi gian rộng 7.2m, 2 chái mỗi gian rộng 4.5m. Toà điện có 66 cột: 2 hàng cột cái, phía trước gồm 4 hàng cột, hàng sau 2 cột, mỗi cột cao 24.8m, đường kính 1.1m, chu vi 3.3m. Hai hàng cột trung mỗi hàng 6 cột, mỗi cột cao 16.2m đường kính 0.8m, 24 cột con ở xung quanh và 24 cột khác ở hiên điện, mỗi cột cao 9m, đường kính 0.7m, 66 cột đều làm bằng bê tông cốt thép ốp gỗ. Các xà ngang, dọc, rui mè trong điện đều được sơn giả gỗ, riêng các cánh cửa đều làm bằng gỗ lim, gian trung điện 10 cánh, cao 3.7m, rộng 0.91m, 2 gian bên 8 cánh cao 3.7m, rộng 0.945 m. Tường điện và phía ngoài tường xây gạch không trát, phía trong xây thành 1.808 pho, tạo cảm giác Phật hiện hữu khắp mọi nơi trên thế giới chúng sinh. Trong điện trên 12 cột có 6 đôi câu đối thục bằng đồng rất đẹp, bên trong điện có 3 pho tượng Tam Thế thờ Phật quá khứ (là chư Phật thời quá khứ, một trong Phật quá khứ là A Di Đà), Phật hiện tại (Phật giáo Đại thừa coi Thích Ca Mâu Ni là hoá thân của Phật hiện tại xuất hiện để giáo hoá chúng sinh), Phật tương lai (Phật Di Lặc). Ba pho tượng có kích thước hình dáng giống nhau: đỉnh đầu có gò thịt nổi cao như búi tóc, tóc xoắn ốc, tai dày tai dài ngực có ấn hình chữ “vạn”, mình có sắc hoàng kim sáng rực, mặt tròn mặt nguyệt cả 3 pho đều được đặt trên toà sen, bằng đồng nguyên khối mỗi pho cao 7.2m, nặng 50 tấn trên bệ cao 1.5m ốp đá. Cả 3 pho tượng này được lấy nguyên mẫu từ tượng Tam Thế ở chùa Tây Phương (Thạch Thất, Hà Tây). Chỉ có cách bố trí vị trí là khác nhau bên trái là Phật quá khứ, bên phải là vị lai Phật còn ở chùa Bái Đính bên phải là Phật quá khứ, Phật bên trái là vị lai Phật.

Tượng Phật hiện tại ngồi trong thế “định ấn” với ý nghĩa là tập trung cao độ vào một đối tượng ngắm nguyện để thu hút toàn bộ ý nghĩa, làm cắt đứt tất cả “thế giới hiện tượng” (thế toạ thiền - thiền định), thế tay thiền định bắt nguồn từ thế ngồi của Phật Thích Ca Mâu Ni, khi ngài toạ thiền lần cuối dưới gốc cây Bồ đề. Thế tay tượng trưng cho sự thiền định cao nhất của Thích Ca Mâu Ni, đồng thời là những phẩm chất của chư Phật như tĩnh lại, bất khả xâm phạm và cao quý vô biên, trên toà sen, 2 chân khoanh tròn, chân phải dựa vào đùi chân trái, gan bàn chân ngửa lên, chân trái cũng dựa vào đùi chân phải như thế. Hai bàn tay để lên trên nhau, tay phải để trên tay trái, hai ngón trỏ chạm nhau. Phật quá khứ: Với tư thế ngồi thiền, bàn chân phải để gác lên đùi chân trái, tay trái để úp lên đùi trái, tay phải mở lòng bàn tay, hướng ra phía trước, 5 ngón tay duỗi thẳng, bàn tay cao hơn vai là thế “vô úy ấn”, mang lại sự bình an và không lo sợ điều gì cho chúng sinh. Thế tay này có nguồn gốc từ kể ác tâm Devadatta (Đề bà đạt đa) muốn làm hại Phật đã khiến một con voi cuồng nộ, khi voi sắp sửa dẫm xéo Đề bà đạt đa thì Thích Ca Mâu Ni, đã dơ tay phải lên với những ngón tay khép chặt lại với nhau, động tác này làm cho con voi dừng chân và bị chinh phục, hay còn một truyền thuyết khác đó là khi Phật giơ bàn tay phải lên từ 5 ngón tay hiện ra năm con sư tử tấn công voi và bảo vệ Phật. Từ năm ngón tay còn phóng ra năm tia sáng màu. Tượng vị lai ngồi trong tư thế 2 chân bắt chéo nhau bàn chân phải đặt lên đùi chân trái, tay phải đặt ngửa trên lòng, tay trái dơ lên ngửa bàn tay về phía trước, các ngón tay thẳng, riêng ngón cái chạm vào ngón tay đeo nhẫn. Đây là thế “an uý nhẫn”, hình tròn được tạo thành bởi ngón cái và ngón đeo nhẫn tượng trưng cho Phật pháp thánh thiện và vĩnh cửu. Thế tay cũng gọi hình tròn tượng trưng “pháp luân” của đạo Phật. Ở Tây tạng vòng tròn được tạo bởi 2 ngón này gọi là “Thế tam giác- một thế tay

huyền bí của 8 vị Bồ tát. Với phái Mật tông thì thế tay này được gọi là biểu tượng của trí tuệ hoàn thiện của Phật và sự thực hiện trọn vẹn các ý nguyện của ngài. Thế tay này cũng diễn tả tình thương vô hạn của đức Phật, thế tay trên của tượng vị lai Phật tượng trưng cho sự vô úy (không sợ) do phật ban cho chúng sinh. Sự “vô úy” của Bồ Tát là do sức mạnh của trí nhớ, của phán đoán kết hợp với năng lực đánh giá và khả năng xua tan mọi hoài nghi.

Sau 3 pho tượng Tam Thế là bức phù điêu lá đề bằng nhiều mảng đồng ghép lại, có gắn hàng trăm pho tượng Phật nhỏ, biểu hiện Phật pháp hiện hữu vô biên. Điện Tam Thế còn có 3 bức hoành phi và 3 cửa võng bằng vàng tâm, nhưng kích thước nhỏ hơn, bức hoành phi gian trung điện kích thước 8.8m *3.2m *0.06m (độ dày); cửa võng kích thước 9.46m *9.3m *0.12m (dày) nặng khoảng 6 tấn. Đặc biệt trong điện Tam Thế còn có 3 sập thờ bằng gỗ vàng tâm, tuy không to bằng sập thờ của điện Pháp Chủ, nhưng nghệ thuật chạm khắc có giá trị cao về chạm khắc gỗ. Ở đây còn có một đôi hạc, mỗi con cao 4.9m, nặng 1 tấn, lư hương rộng 1.8m, đèn lồng cao 4m sân trước điện Tam Thế đặt 9 bức tượng Thích Ca sơ sinh bằng đồng nguyên khối. Tượng tạc hình đức Phật hài đồng đứng trên đài sen, tay phải chỉ thiên tay trái chỉ địa, bụng quấn tã, bồn tắm cho đức Phật sơ sinh là hình tượng hoa sen được cách điệu bằng 9 chậu đá cẩm thạch hình bông sen. Xung quanh chạm chỗ hình tượng rồng (rồng phun nước tắm cho đức Phật). Đây là 9 pho tượng diễn tả tích thời khắc đức Phật mới sinh ra, ngài đi liền 7 bước tay phải chỉ lên trời tay trái chỉ xuống đất mà rằng: “Thiên thượng, địa hạ, duy ngã độc tôn” (tức là trên trời dưới đất chỉ có ta là tôn quý nhất), trước sân điện Tam Thế trồng nhiều cây bồ đề, có cây được triết từ gốc tích từ đức Phật ở Ấn Độ

f, Những công trình phụ trợ

Ngoài những công trình hạng mục như trên thì chùa Bái Đính cũn có các công trình phụ trợ khác như: Thảo viên, được xây dựng ngay trước khuôn viên chùa, ngay sau Tam Quan một v-ườn cây thảm cỏ rộng khoảng 17.000m² .(2) Hoa Viên, đi qua tháp chuông lại có một vườn hoa thảm cỏ rộng gần 7.600 m² (3) Hồ Phóng sinh rộng với diện tích gần 5.000 m² để nhà chùa và các Phật tử phóng sinh, trong những ngày đại lễ của nhà Phật (4) Phật tích viên là khu vườn tượng bằng đá thể hiện tích Phật Thích Ca qua các thời kỳ (5) Tháp bồ đề cao 9 tầng (50m), mỗi chiều cao 30m *25m, có cầu thang cao 34m (6) La Hán đường là nơi bày các vị La Hán, sau khi Phật Niết Bàn ngoài Ma Ha Ca Diếp thay Phật xuất tăng chúng hợp cả thầy 500 vị đệ tử Phật tử, ở thành Vương Xá giảng tụng lại đạo lý của đạo Phật dạy, 500 đệ tử này chưa thành Phật nên gọi là La Hán. La Hán đường là nơi đặt 500 pho tượng La Hán tạc bằng đá do thợ đá Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình chế tác. La Hán đường là 2 dãy nhà lớn dọc 2 bên từ 2 toà nhà gỗ cổ từ Tam Quan nội vào đến nhà tả vu hữu vu, mỗi dãy gồm 117 gian, dài 526m, đều kiến trúc gỗ bằng gỗ tứ thiết theo kiểu chông giường, tiền bẩy, hậu bẩy, cột và kèo đều bằng gỗ tứ thiết, mái lợp ngói ống tráng men nâu sẫm. Xây dựng La Hán đường đã dùng hết 3.500m³, mỗi tượng La Hán cao từ 2- 2.5m, nặng khoảng 2- 2.5 tấn, ngoài ra hành lang này cũng đặt thêm 1 số tượng Phật ở nước ta như thiền sư Thái Tông, hoà thượng Thích Quảng đức

- Ngoài những công trình kiến trúc thì bên cạnh đó là những cơ sở vật chất phục vụ cho khách

du lịch cũng không kém phần hấp dẫn đó là cụm nhà hàng Vạn Tâm Chay, sau khi viếng chùa Bái Đính du khách có thể dừng chân tại hầm Điện Tam Thế của chùa Bái Đính để dùng cơm chay và nghỉ ngơi, tại nhà hàng Vạn Tâm Chay, với thực đơn phong phú hơn 100 món ăn trong đó có các món cơm, bún gà ri, súp nấm đông cô, nấm đậu phụ...ngoài ra tại đây còn có các món ăn nhẹ như chuối ,chè chuối, đậu đen, chè trôi nước, xôi và bánh với mong muốn được phục vụ mọi thực khách. Nhà hàng đã xây dựng thực đơn đa dạng với các món ăn không chỉ phù hợp khẩu vị đối với người ăn chay mà còn thật vừa miệng đối với những người dùng món mặn. Tuy món ăn không đặc sắc nó mang nhiều tính chất dân dã nhưng nó lại có ý nghĩa khi đến với đất Phật tìm đến chốn thanh tịnh mà lại được thưởng thức những món ăn của nhà Phật sẽ khiến cho du khách như được hoà mình vào thế giới của Phật pháp.

Khu văn hóa tâm linh Núi chùa Bái Đính là nơi lưu giữ các dấu ấn lịch sử, nơi được coi là một trong các trung tâm văn hóa Phật giáo lớn của cả nước. Núi chùa Bái Đính được gắn liền với nhiều giai thoại và huyền thoại về một vị Thiền sư danh tiếng của nước Nam - Lý triều quốc sư Nguyễn Minh Không, ngài chính là người đã đặt nền móng, xây dựng tượng Phật và khai mở miền đất Phật ở nơi đây. Chùa Bái Đính Ninh Bình khoác lên mình vẻ đẹp thanh tịnh, cổ kính giữa khung cảnh mênh mông rừng núi, nổi bật với lối kiến trúc uy nga nhưng mang đậm màu sắc truyền thống văn hóa dân tộc. Bái có nghĩa là lễ bái, cúng bái trời đất, tiên phật, Chùa Bái Đính đã tạo nên một không gian tâm linh mang đậm bản sắc dân tộc và tinh hoa nhân loại. Gần 1000 năm qua, ngôi chùa vẫn còn đó như một minh chứng cho sức sống bền bỉ của đạo Phật trong đời sống tâm linh của người Việt. Điều này góp phần khẳng định, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc, luôn đoàn kết, hòa hợp, lấy việc tu hành phục vụ chúng sinh, phụng sự Tổ quốc, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, vì quốc thái dân an, vì sự phồn vinh của dân tộc.... Gần 1000 năm qua, ngôi chùa vẫn còn đó như một minh chứng cho sức sống bền bỉ của đạo Phật trong đời sống tâm linh của người Việt.

Tác giả: **Th.s Nguyễn Thị Huệ** - Viện Nghiên cứu Văn hóa

Tài liệu tham khảo

1. Trương Đình Tường : Bái Đính ngàn năm tâm linh và huyền thoại, NXB thế giới, 2009
2. KTS. Nguyễn Khánh Hưng: Quy hoạch chi tiết khu núi chùa Bái Đính, xã Gia Sinh, Gia Viễn, Ninh Bình, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và Thương Mại Á Châu, 2006
3. Lương Thị Thoa, Lịch sử ba tôn giáo, NXB giáo dục, 2000
4. Nguyễn Đăng Duy, Văn Hoá Tâm Linh, NXB Văn hoá - Thông tin, 2008